

Đơn vị: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hà Sen

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1045607

Mã chương: 622

CÔNG KHAI

Số liệu thực hiện dự toán Ngân sách Nhà nước quý IV/2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện quý/ dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý/ kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	69.932.841	56.708.841	81,09	327%
1	Số thu phí, lệ phí	69.932.841	56.708.841	81,09	327%
1.1	Học phí	41.000.000	27.776.000	67,75	160%
1.2	Nhận học phí trường Võ Thị Sáu sau khi sáp nhập	28.932.841			
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	69.932.841			
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	69.932.841			
2.1.1	Bổ sung chi hoạt động, cơ sở vật chất	24.600.000			
2.1.2	Bổ sung nguồn cải cách tiền lương	45.332.841	42.460.000	93,66	262%
II	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	4.086.619.039	1.868.803.058	45,73	30,23%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục	4.086.619.039	1.868.803.058	45,73	30,23%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.956.059.239	1.738.243.258	43,94	58,65%
-	Mã ngành 072 - Tiểu học	1.271.000.000	402.445.635	31,66	33,85%
-	Mã ngành 073 - THCS	1.846.000.000	518.738.384	28,10	29,22%
2.1.1	Nhận dự toán trường Võ Thị Sáu sau khi sáp nhập	817.059.239	817.059.239	100	100,00%
	Mã ngành 072 - Tiểu học	361.517.692	361.517.692		
	Mã ngành 073 - THCS	455.541.547	455.541.547		
2.1.2	Điều chỉnh giảm kinh phí người chuyển đi và đến	22.000.000	22.000.000	100	-589%
	- Mã ngành 073 - THCS: Chuyển đến	146.000.000	146.000.000	100	100,00%
	- Mã ngành 073 - THCS: Chuyển đi	- 124.000.000	- 124.000.000	100	-688,89%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	130.559.800	130.559.800	100	4,06%
2.2.1	Cấp bù học phí theo NQ 54/2019 (học kỳ I 2022-2023)	27.528.000	27.528.000	100,00	160,87%
2.2.2	Cấp bù miễn, giảm học phí theo QĐ 81/2021 (học kỳ I 2022-2023)	248.000	248.000	100,00	100,00%
2.2.3	Mua TBDH cho lớp 2 và lớp 6	102.783.800	102.783.800	100,00	100,00%

Ngày 03 tháng 02 năm 2023



Đơn vị: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hà Sen

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1045607

Mã chương: 622

CÔNG KHAI

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước quý IV/2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

I. Dự toán năm

1. Dự toán ngân sách Nhà nước cấp:

a. Kinh phí thường xuyên:	4.086.619.039 đồng
a. Kinh phí thường xuyên:	3.956.059.239 đồng
- Mã ngành 072 - Tiểu học	1.271.000.000 đồng
- Mã ngành 073 - THCS	1.846.000.000 đồng
- Điều chỉnh giảm kinh phí người chuyển đến	146.000.000 đồng
- Điều chỉnh giảm kinh phí người chuyển đi	-124.000.000 đồng
- Nhận dự toán trường Võ Thị Sáu sau khi sáp nhập	817.059.239 đồng
+ Mã ngành 072 - Tiểu học	361.517.692 đồng
+ Mã ngành 073 - THCS	455.541.547 đồng
b. Kinh phí không thường xuyên:	130.559.800 đồng
- Cấp bù học phí theo NQ 54/2019 (học kỳ I 2022-2023)	27.528.000 đồng
- Cấp bù miễn, giảm học phí theo QĐ 81/2021 (học kỳ I 2022-2023)	248.000 đồng
- Mua TBDH cho lớp 2 và lớp 6	102.783.800 đồng
2. Học phí:	41.000.000 đồng

II. Thực hiện trong kỳ

1. Dự toán ngân sách Nhà nước cấp:

a. Kinh phí thường xuyên:	1.868.803.058 đồng
a. Kinh phí thường xuyên:	1.738.243.258 đồng
- Tiền lương:	609.231.204 đồng
- Phụ cấp lương:	411.913.027 đồng
- Phúc lợi tập thể:	0 đồng
- Các khoản đóng góp:	170.751.159 đồng
- Các khoản thanh toán cá nhân:	8.686.700 đồng
- Thanh toán dịch vụ công cộng:	85.709.317 đồng
- Vật tư văn phòng:	56.419.420 đồng



- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc:	1.830.000 đồng
- Hội nghị:	2.430.000 đồng
- Công tác phí:	48.448.000 đồng
- Thuê mướn:	33.480.000 đồng
- Sửa chữa tài sản, trang thiết bị:	53.838.000 đồng
- Nghiệp vụ chuyên môn:	249.654.631 đồng
- Chi khác:	5.851.800 đồng
b. Kinh phí không thường xuyên:	130.559.800 đồng
- Cấp bù học phí theo NQ 54/2019 (học kỳ I 2022-2023)	27.528.000 đồng
- Cấp bù miễn, giảm học phí theo QĐ 81/2021 (học kỳ I 2022-2023)	248.000 đồng
- Mua TBDH cho lớp 2 và lớp 6	102.783.800 đồng
2. Học phí	
a. Thu học phí:	27.776.000 đồng
- Cấp bù học phí theo NQ 54/2019 (học kỳ I 2022-2023)	27.528.000 đồng
- Cấp bù miễn, giảm học phí theo QĐ 81/2021 (học kỳ I 2022-2023)	248.000 đồng
b. Chi học phí:	42.460.000 đồng
- Tiền lương:	0 đồng
- Phụ cấp lương:	0 đồng
- Phúc lợi tập thể:	0 đồng
- Các khoản đóng góp:	0 đồng
- Các khoản thanh toán cá nhân:	0 đồng
- Thanh toán dịch vụ công cộng:	0 đồng
- Vật tư văn phòng:	0 đồng
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc:	0 đồng
- Hội nghị:	0 đồng
- Công tác phí:	0 đồng
- Thuê mướn:	0 đồng
- Sửa chữa tài sản, trang thiết bị:	0 đồng
- Nghiệp vụ chuyên môn:	42.460.000 đồng
- Chi khác:	0 đồng

Ngày 03 tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đình Văn Tấn